

Số: 01 /TM-TTYT

Đắk Song, ngày 03 tháng 02 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ LẦN 2

Vật tư Y tế, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm năm 2023

Kính gửi: Quý Công Ty Dược - Trang Thiết Bị - Vật Tư Y tế.

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Đắk Song đang xây dựng dự toán mua sắm vật tư Y tế, hoá chất, sinh phẩm đấu thầu cho năm 2023. Để có căn cứ xây dựng giá kế hoạch, nay Trung tâm Y tế huyện Đắk Song kính gửi quý công ty danh mục sản phẩm để xin báo giá các mặt hàng (theo danh mục đính kèm).

Trung tâm Y tế huyện Đắk Song xin thông báo đến Quý Công ty có kinh doanh các loại hàng hóa nêu trên và có đủ năng lực kinh nghiệm đấu thầu, đề nghị gửi báo giá tới Trung tâm Y tế huyện Đắk Song. Báo giá có đầy đủ các thông tin theo phụ lục (bao gồm đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền và dấu của công ty).

(Lưu ý: Báo giá được để vào phong bì niêm phong, có đóng dấu giáp lai).

Quý công ty quan tâm gửi báo giá về: Trung tâm Y tế huyện Đắk Song, tổ 1 - Thị Trấn Đức An - Đắk Song - Đắk Nông. Hoặc gửi trực tiếp tới DS Thủy, điện thoại 0983.599.955.

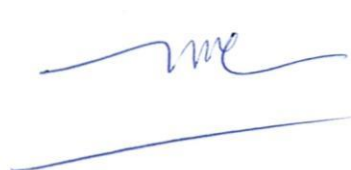
Thời gian nhận báo giá tính từ ngày 03/02/2023 đến hết ngày 8/02/2023.

Rất mong nhận được sự quan tâm của quý công ty, để chúng tôi hoàn thành các thủ tục tiếp theo. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- KHNV;
- Lưu: VT, Dược.

GIÁM ĐỐC



TỔNG TRƯỞNG KÝ

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo thư mời xin báo giá số: 01./TM-TTYT, ngày 03 tháng 02 năm 2023)

STT	Tên Hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	nhóm mua sắm TT14/2020/TT-BYT	Số lượng dự trữ năm 2023	Đơn Giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Hoà chất xét nghiệm đông máu APTT. Thành phần R1 Cephalin 1.0g/l, Ellagic acid 0.034g/l, Preservative: Phenol ≤0.48%, R2 CaCl2 25mmol/l. SD: 0.659, CV% 2.2% - 29.9. SD: 0.942, CV%: 1.82% - 51.8, SD: 1.209, CV%: 1.72% - 70.1	Hộp	Nhóm 3	7			
2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu level 1	Chất kiểm chứng xét nghiệm đông máu mức 1, PT: 12.2 giây (10.4 - 14.0), APTT: 27.9 giây (23.7 - 32.1), TT: 18.5 giây (15.7 - 21.3). Fibrinogen: 2.47g/l (2.09 - 2.85)	Hộp	Nhóm 3	2			
3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu level 2	Chất kiểm chứng xét nghiệm đông máu mức 2, PT: 36.1 giây (30.7-41.5), APTT: 99.6 giây (84.6 - 114.6), TT: 29.7 giây (25.2 -34.2). Fibrinogen: 1.29g/l (1.09 - 1.49)	Hộp	Nhóm 3	2			
4	Thuốc thử xét nghiệm PT	Hoà chất xét nghiệm đông máu PT độ nhạy cao. Thành phần R1 Calciferous Thromboplasma 1.0%, Preservative: sodium azide ≤0.1%. SD 0.47S - CV%: 4.0% - 11.83 giây. SD: 0.95S - CV%: 2.7% - 35.45 Giây. SD: 1.0S - CV%: 1.7% - 60.12 Giây.	Hộp	Nhóm 3	4			
5	Cuvette đông máu máy bán tự động	Cuvette phản ứng đông máu làm từ nhựa. Bảo quản 2-30oC.	Hộp	Nhóm 6	8			
6	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Albumin ở huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Succinate pH 4.2: 75.00 mmol/l; Bromcresolgreen: 0.15 mmol/l; Brij 35 Detergent: 2 g/l - Khoảng đo: 0.15 - 8 g/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập) ≤ 1.74	Hộp	Nhóm 3	1			
7	Thuốc thử xét nghiệm Alpha-amylase	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Amylase ở huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: Hepes-Buffer pH 7.1: 80 mmol/l; natri chloride: 40 mmol/l; Magnesiumchloride: 8 mmol/l; α-Glucosidase m.: ≥ 2 KU/l; natri azide: 0.09 %; Ethylen-G7-PNP: 3 mmol/l - Khoảng đo: 3-1500 U/L - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập) ≤ 2.61	Hộp	Nhóm 3	3			
8	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Bilirubin tổng trong huyết thanh và huyết tương người	Hộp	Nhóm 3	2			
9	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người	Hộp	Nhóm 3	2			
10	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calcii)	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Calcium ở huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: Arsenazo III: 200 μmol/l; MES pH=6.5: 100 mmol/l - Khoảng đo: 0.65-16 mg/dl (0.165-4.0 mmol/l)	Hộp	Nhóm 3	5			
11	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	- Mục đích sử dụng: huyết thanh hiệu chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm trên máy sinh hóa - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người.	Lọ	Nhóm 3	12			

12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa	- Mục đích sử dụng: Huyết thanh kiểm soát chất lượng - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người	Lọ	Nhóm 3	12			
13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa	- Mục đích sử dụng: Hóa chất đông khô Centrophath được sử dụng như huyết thanh kiểm chuẩn cho quy trình nội kiểm phòng xét nghiệm y học. - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người, đã khử fibrin	Lọ	Nhóm 3	12			
14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm CK-MB	- Mục đích sử dụng: Chất kiểm soát Chất lượng CK-MB - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người. - Thành phần: Nồng độ của các Chất phân tích được điều chỉnh với các chế phẩm từ protein và mô người	Hộp	Nhóm 3	1			
15	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm CK-MB	- Mục đích sử dụng: Chất kiểm soát Chất lượng CK-MB - Dạng bột đông khô - Sản xuất từ trên huyết thanh người. - Thành phần: Nồng độ của các Chất phân tích được điều chỉnh với các chế phẩm từ protein và mô người	Hộp	Nhóm 3	1			
16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	- Mục đích sử dụng: huyết thanh hiệu chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm CK và CK-MB trên máy sinh hóa. Bao gồm chất bảo quản và chất ổn định - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người.	Hộp	Nhóm 3	2			
17	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng CK-MB ở huyết thanh, huyết tương người - Thành phần: Imidazole: 83 mmol/l; Magnesium acetate: 17 mmol/l; Glucose: 22 mmol/l; N-acetylcysteine: 22 mmol/l; EDTA: 2 mmol/l; ADP: 2 mmol/l; NADP: 2.3 mmol/l; AMP: 4.2 mmol/l	Hộp	Nhóm 3	2			
18	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Creatinine ở huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: NaOH: 187.8 mmol/l; Phosphate: 7.5 mmol/l; Picric acid: 8.73 mmol/l - Khoảng đo: 0.1-20 mg/dl	Hộp	Nhóm 3	7			
19	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Cholesterol ở huyết thanh, huyết tương người - Thành phần: Phosphate buffer (pH 6.5): 30.0 mmol/l 4-Aminoantipyrine: 0.25 mmol/l; Phenol: 25.0 mmol/l; Peroxidase: > 5.0 KU/l; Cholesterol esterase: > 150.0 U/l	Hộp	Nhóm 3	6			
20	Thuốc thử xét nghiệm GGT	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng GGT ở huyết thanh, huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 8.25: 85 mmol/l; Glycylglycine: 150 mmol/l; natri azide: 0.1 %; L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 2.9 mmol/l - Khoảng đo: 4 - 290 U/l	Hộp	Nhóm 3	6			
21	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Glucose ở huyết thanh, huyết tương người - Thành phần: Hexokinase: ≥ 100 U/ml; G6P-DH: ≥ 300 U/ml; natri azide: 0.09 %; PIPES buffer pH 7.6: 100 mmol/l; Magnesium acetate: 10 mmol/l; ATP: 4 mmol/l; NAD: 3 mmol/l; natri azide: 0.09 %	Hộp	Nhóm 3	15			
22	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng GOT (ASAT) ở huyết thanh, huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.8 (30°C): 80.00 mmol/l; L-Aspartate: 200.00 mmol/l; LDH: ≥ 1.6 U/ml; MDH: ≥ 0.5 U/ml; NADH: 0.18 mmol/l; α-Ketoglutarate: 12 mmol/l - Khoảng đo: 5-700 U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập) ≤ 2.41	Hộp	Nhóm 3	10			
23	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng GPT (ALAT) ở huyết thanh, huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.5 (25°C): 70.00 mmol/l; L-Alanine: 410.00 mmol/l; LDH: ≥ 1.7 U/ml; NADH: 0.3 mmol/l; α-Ketoglutarate: 18 mmol/l - Khoảng đo: 5-700 U/l	Hộp	Nhóm 3	10			

24	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng HDL-Cholesterol ở huyết thanh người - Thành phần: Good's buffer (pH 7.0): 30 mmol/l; 4-Aminoantipyrine: 0.9 mmol/l; Peroxidase: 2.4 KU/l; Ascorbat oxidase: 2.7 KU/l; Antihuman-β-Lipoprotein Antikörper; Cholesterol esterase: 4 KU/l; Cholesterol oxidase: 20 KU/l; F-DAOS: 0.8 mmol/l	Hộp	Nhóm 3	6			
25	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng LDL-Cholesterol ở huyết thanh người - Thành phần: Good's buffer (pH 6.8): 25 mmol/l; Cholesterol esterase: 5 KU/l; Cholesterol oxidase: 5 KU/l; HDAOS: 0.64 mmol/l; Catalase: 1000 KU/l; Good's buffer (pH 7.0): 25 mmol/l; 4-Aminoantipyrine: 3.4 mmol/l	Hộp	Nhóm 3	6			
26	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Triglycerides ở huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Pipes buffer pH 7.0: 40 mmol/l; 4-Chlorophenol: 5 mmol/l; Magnesium ion: 5 mmol/l; ATP: 1 mmol/l; Peroxidase: ≥ 1 U/ml; Glycerol kinase: ≥ 1 U/ml; 4-Aminoantipyrine: ≥ 1 U/ml	Hộp	Nhóm 3	6			
27	Thuốc thử xét nghiệm Ure	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Urea ở huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: TRIS buffer pH 8.1 (20°C): 50.00 mmol/l; α-Ketoglutarate: 15.00 mmol/l; Urease: ≥ 1000 U/l; Glutamate dehydrogenase: ≥ 5.4 KU/l; NADH: 0.18 mmol/l	Hộp	Nhóm 3	7			
28	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	- Mục đích sử dụng: xác định định lượng Uric acid ở huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: Phosphate-buffer pH 7.8: 100 mmol/l; 2,4,6 Triiodine-3-hydroxybenzoate: 5 mmol/l; Detergents: 2g/l; PAP: 4.5 mmol/l; Uricase: 3 U/ml; POD: 40 U/ml; Stabilizers	Hộp	Nhóm 3	5			
29	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	- Dung dịch tẩy rửa có tính axit để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa - Thành phần: Oxalic acid ≤ 0.15 g/l; Citric acid ≤ 0.25 g/l; PEG 400 ≤ 0.4 g/l	Lọ	Nhóm 3	2			
30	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	Dung dịch tẩy rửa có tính kiềm để làm sạch các	Lọ	Nhóm 3	2			
31	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - IVD pha loãng	- Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học - Trạng thái vật lý: chất lỏng - Màu: không - Mùi: không - Độ pH: 7.35 đến 7.55 - Tính tan: tan trong nước	Can	Nhóm 3	150			
32	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - IVD ly giải	- Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học - Trạng thái vật lý: chất lỏng - Màu: không - Mùi: nhẹ - Độ pH: 4 đến 7 - Tính tan: tan trong nước	Chai	Nhóm 3	32			
33	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - IVD pha loãng, rửa máy	- Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học - Trạng thái vật lý: chất lỏng - Màu: xanh lá - Mùi: nhẹ - Độ pH: 7,7 đến 8,3 - Tính tan: tan trong nước - Thành phần: Polyoxethylene nonylphenyl	Can	Nhóm 3	8			
34	Dung dịch rửa đậm đặc đặc biệt	- Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học - Trạng thái vật lý: chất lỏng - Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá - Mùi: khó chịu (clo) - Độ pH: 10 đến 13 - Tính tan: tan trong nước - Thành phần: Dung dịch Natri hypochlorit	Can	Nhóm 3	4			
35	Dung dịch phá vỡ hồng cầu cho CBC	- Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học - Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu: không - Mùi: nhẹ - Độ pH: 7.0 đến 7.6 - Tính tan: tan trong nước	Can	Nhóm 3	16			

36	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học - IVD ly giải	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước	Can	Nhóm 3	16			
37	IVD rửa máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: ethylene glycol monophenyl ether	Can	Nhóm 3	4			
38	IVD rửa máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri hypochlorit	Hộp	Nhóm 3	5			
39	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Lọ	Nhóm 3	4			
40	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Lọ	Nhóm 3	4			
41	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Lọ	Nhóm 3	4			
42	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol	Hoà chất xét nghiệm nồng độ Cồn trong máu bằng phương pháp UV. Tuyến tính: từ 0.05 - 3.0g/l. Bước sóng chính 340nm, Bước sóng phụ 405nm. Thành phần R1: Sodium Pyrophosphate buffer >50.0mmol/l. R2: Good's buffer >10.0mmol/l, NAD+ ≥2.0mM, Alcohol dehydrogenase ≥40.0KU/l. Chất chuẩn 1ml, Chất kiểm tra mức 1: 1ml, Chất kiểm tra mức 2: 1ml. CV%: <1.5% - 194.8mg/dl, <1% - 501.5mg/dl.	Hộp	Nhóm 3	2			
43	Reagent Pack (Calibrant A, Calibrant B)	Chức năng: Để hiệu chuẩn 2 điểm cho Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải. Chứa chất thải sau quá trình phân tích. Quy cách: Calibration A: 430 ml; Calibration B: 110ml. Bảo quản: 0-40 °C	Hộp	Nhóm 3	8			
44	Washing Solution (Activation)	Chức năng: Để kích hoạt điện cực Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải Quy cách: 110 ml Bảo quản: 0-40 °C	Chai	Nhóm 3	2			
45	Washing Solution (De-proteinizer)	Chức năng: Khử protein của các điện cực Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong máy phân tích điện giải Quy cách: 5x25 mg Protein enzym + 1x5 ml Diluent Bảo quản: trước khi pha 0-40 °C; sau khi pha: 2 - 8°C trong 2 tuần	Hộp	Nhóm 3	2			
46	Refill Solution for ISE Electrodes	Chức năng: Làm đầy các điện cực ISE Electrodes, như: K, Na, Cl, Ca, Li, pH. Thể tích: 3 ml Bảo quản: 0-40 °C	Lọ	Nhóm 3	2			
47	Refill Solution for Reference Electrode	Chức năng: Làm đầy điện cực tham chiếu Reference Electrode Thể tích: 10 ml Bảo quản: 0-40 °C	Lọ	Nhóm 3	2			

48	Linearity Control Material (QC, tri-level)	Chức năng: Vật liệu kiểm soát chất lượng cho các thông số Na, K, Cl, Ca, pH, Mg và Li trong các máy phân tích điện giải. Gồm 3 mức kiểm chuẩn: QC1, QC2 và QC3. Quy cách: 10x2 ml + 10x2 ml + 10x2	Hộp	Nhóm 3	1			
49	Electrode, Calcium (Ca)	Chức năng: Điện cực chọn lọc ion Ca, dùng để đo nồng độ Ca trong mẫu. Khối lượng: 2.8 g Bảo quản: 0-40 °C	Cái	Nhóm 3	1			
50	Electrode, Chloride (Cl)	Chức năng: Điện cực chọn lọc ion Cl, dùng để đo nồng độ ion Cl trong mẫu. Khối lượng: 2.8 g Bảo quản: 0-40 °C	Cái	Nhóm 3	1			
51	Electrode, Potassium (K)	Chức năng: điện cực chọn lọc ion K, dùng để đo nồng độ ion K trong mẫu. Khối lượng: 2.8 g Bảo quản: 0-40 °C	Cái	Nhóm 3	1			
52	Electrode, Sodium (Na)	Chức năng: điện cực chọn lọc ion Na, dùng để đo nồng độ ion Na trong mẫu. Khối lượng: 4 g Bảo quản: 0-40 °C	Cái	Nhóm 3	1			
53	Electrode, pH	Chức năng: Đo độ pH của mẫu. Khối lượng: 4g Bảo quản: 0-40 °C	Cái	Nhóm 3	1			
54	Electrode, Reference	Chức năng: Điện cực tham chiếu, tạo điện thế không đổi cho dòng chất lỏng. Khối lượng: 20g Bảo quản: 0-40 °C	Cái	Nhóm 3	1			
55	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học Sysmex. Thành phần: NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%.	thùng	Nhóm 3	20			Dùng cho máy huyết học XP-100
56	Dung dịch ly giải	Hóa chất dùng để để đếm tế bào máu, định cỡ và phân biệt hồng cầu, xác định huyết sắc tố trên máy phân tích huyết học Sysmex. Thành phần: Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%	Chai	Nhóm 3	30			
57	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa máy. Sử dụng rửa cho nhiều loại máy khác nhau: Celldiff series, Abbott, Sysmex, Siemens, NihonKohden. Beckman coulter. Thành phần: Sodium Hypochlorite 5%	Lọ	Nhóm 3	4			
58	Bộ xét nghiệm hơi thở C13		Test		50			
Tổng Cộng: 58 khoản								

DANH MỤC BÔNG, BĂNG, GẠC, NỆP CÁC LOẠI

(Kèm theo thư mời xin báo giá số 01/TM-TTYT, ngày 03 tháng 02 năm 2023).

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Nhóm mua sắm (TT14/20 20/TT-BYT)2	Số lượng dự trù năm 20232	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Băng thun co giãn	Băng cổ định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, kích thước 10cm*10cm	Cuộn	6	100			
2	Băng cuộn 0,07m x 2,5m	Băng cuộn 7cm x 2,5m	Cuộn	5	300			
3	Bông y tế 100gr	Bông y tế thấm nước 100g	Gói	5	300			
4	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 1kg	Kg	5	40			
5	Bông mỡ (Bông không thấm nước)	Bông không hút nước (1kg)	Kg	5	5			
6	Gạc phẫu thuật cân quang, dạng xếp cuộn, 10 x 10cm, 8 lớp	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng cân quang	Miếng	5	5.000			
7	Gạc phẫu thuật cân quang, cỡ 30 x 40cm, 10 lớp	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm x 10 lớp (có cân quang, tiệt trùng)	Miếng	5	1.500			
8	Gạc miếng tẩm Vaseline	Kích thước 19 x 65 mm; thùng 100 gói x 10 miếng	Miếng	5	1.000			
9	Gạc cầu sản khoa fi 45 có sợi cân quang VT	Hình cầu, Bông hút 100% cotton được bọc kín bởi một lớp gạc y tế tạo thành cầu bông, có độ thấm hút cao. Có sợi cân quang để kiểm tra sát gạc. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO Gas.	Cái	5	400			
10	Áo cột sống các cỡ	Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm. Băng nhám dính (khóa Velcro), vải mút mềm, thun đàn hồi. Dự phòng tổn thương cột sống thắt lưng ...	Cái	5	20			
11	Đai xương đòn các số	Chất liệu vải cotton, mút xốp, khóa Velcro các số	Cái	6	50			
12	Nẹp cẳng tay trái, phải, các cỡ	Thân có 4/ 5/ 6/ 7 lỗ, móc dài: 12/ 15/ 18mm	Cái	5	470			
13	Nẹp chống xoay ngón	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cáo lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 10-15cm	Cái	5	57			
14	Nẹp cánh tay	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cáo lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 35-45cm	Cái	5	50			
15	Nẹp đùi	Chất liệu vải dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé ngoại nhập	Cái	5	30			
16	Đai desautl	Cổ định, ổn định khớp vai. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro.	Cái	5	10			
17	Nẹp ngón 3 cháu	Chất liệu bằng nhôm có dán mút mềm, chức năng: giữ cổ định các đốt ngón tay	cái	5	40			
18	Nẹp ngón tay	Chất liệu bằng nhôm có dán mút mềm, chức năng: giữ cổ định các đốt ngón tay	Cái	5	100			
19	Nẹp cẳng chân	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 65cm-75cm	Cái	5	10			
20	Nẹp cổ cứng	Chức năng: Cổ định đốt sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập	Cái	5	10			
21	Nẹp cổ mềm	Chức năng: Cổ định đốt sống cổ. Chất liệu mút mềm, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập	Cái	5	10			
Tổng: 21 khoản								

DANH MỤC KHẨU TRANG Y TẾ, GĂNG TAY, BƠM KIM TIÊM, DÂY TRUYỀN CÁC LOẠI

(Kèm theo thư mời xin báo giá số 01/TM-TT/TT, ngày 03 tháng 02 Năm 2023).

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Nhóm mua sắm (TT14/2 020/TT-BYT)	Số lượng dự trữ năm 2023	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Khẩu trang y tế 3 lớp	Nguyên liệu: - 2 lớp ngoài: vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước - 1 lớp giữa: vải lọc : Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước Quy cách: 3 lớp, có gọng, Loại: không tiết trùng	Cái	5	3.396			
2	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 3 lớp/ 4 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Đã tiết trùng bằng khí Eo	Cái	5	21.400			
3	Găng tay phẫu thuật vô trùng các số	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đầy tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiết trùng bằng khí EO. Găng loại có phủ bột và không bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám	Đôi	5	5.000			
4	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay cao su khám bệnh có bột được làm từ cao su thiên nhiên bề mặt nhám hoặc mịn, bề mặt kết cấu thuận cả hai tay, sử dụng một lần. Dài tối thiểu 240mm.	Đôi	4	30.000			
5	Găng tay sản khoa	Găng sản khoa đã tiết trùng dài 500 mm sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần. Găng đạt tiêu chuẩn TCVN 6343-1:2007 Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016 Kích cỡ: size S,M,L	đôi	5	50			
6	Bơm kim tiêm 0,1 ml	Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng một lần để tiêm trong da vắc xin BCG cho trẻ sơ sinh. 2. Dung tích bơm tiêm là 0,1ml. 3. Cỡ kim là 27G 3/8" 4.	cái	1	2.000			
7	Bơm kim tiêm 0,5 ml	Dung tích 0,5 ml tự khóa Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister, sau khi tiết trùng chỉ thị màu chuyển từ màu hồng sang màu vàng.	cái	5	18.500			
8	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml	Dung tích 1ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiết trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5	500			
9	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml	Dung tích 3ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiết trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5	30.000			
10	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml	Dung tích 5ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiết trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5	15.000			
11	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml	Dung tích 10ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiết trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5	2.000			
12	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml	Dung tích 20ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiết trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5	200			
13	Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml đầu to	Dung tích 50ml kèm kim. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Đóng gói bao bì Blister sau khi tiết trùng chỉ thị màu trên bao bì chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Đầu to dùng trong cho ăn	Cái	5	50			
14	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Bơm tiêm insulin các loại, tiêu chuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5	100			
15	Kim tiêm dùng 1 lần	Kim tiêm dùng 1 lần; các số. Kim các số. Tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Cái	4	1.000			
16	Dây truyền dịch có kim	Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt để quan sát, thanh trong dây trơn nhẵn, đồng nhất. Chính được chính xác 20 giọt/ml, dài đến 150cm, chất liệu nhựa y tế mềm dẻo, đàn hồi tốt, không bị gãy. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485-2016	Cái	6	10.000			

17	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch; Dây dài 180cm, Van thông khí có màng lọc - có tính năng lọc vi khuẩn, virus. Bầu đếm giọt có màng lọc tiểu phần 15µm. Đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 4.1mm, chịu áp lực 2 bar, được làm mềm bằng chất hóa dẻo DEHT. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Bộ	3	100			
18	Dây truyền máu	Sử dụng cho mục đích truyền máu hoặc thành phần máu. - Có kim 18G x 1 1/2", 20 giọt / 1ml - Dùng để điều chỉnh lưu lượng máu trong vòng tuần hoàn cơ thể người bằng cách sử dụng ống thông tĩnh mạch và kim.	Bộ	6	30			
19	Túi đựng máu đơn 250ml	Túi máu dùng để thu thập, lưu trữ, truyền và vận chuyển máu. • Kết cấu của túi mềm mại, ống chống xoắn linh hoạt được đóng gói riêng biệt. • Kích cỡ: 250ml; Chúng loại bao gồm: túi đơn thích hợp cho việc lấy máu toàn phần cũng như sản xuất chế phẩm	Cái	6	30			
20	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	Bơm tiêm nhựa 50ml Luer Lock được làm từ nhựa PP y tế, bề mặt gioăng phẳng, khử vô trùng bằng khí EO. Sử dụng phù hợp với máy bơm tiêm điện của các hãng máy bơm tiêm điện. Đóng gói bảo bì Blister, sau khi tiệt trùng trên bao bì có chỉ thị màu chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Tiêu chuẩn ISO 7886 - 2 ; ISO 13485	Cái	5	20			
Tổng cộng: 20 khoản								

DANH MỤC CHỈ PHẪU THUẬT

(Kèm theo thư mời xin báo giá số 01/TM-TT/TT, ngày 03 tháng 02 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	BVT	Nhóm mua sắm (TT14/2-020/TT-BYT)	Số lượng dự trù năm 2023	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Chỉ Nylon số 3/0	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	Sợi	1	1.300			
2	Chỉ Nylon số 4/0	Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	Sợi	1	200			
3	Chỉ Nylon số 5/0	Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	Sợi	3	100			
4	Chỉ Nylon số 2/0	Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	Sợi	1	100			
5	Chỉ Silk số 2/0, kim các loại hoặc tương đương	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.	Sợi	4	100			
6	Chỉ Silk số 3/0, kim các loại hoặc tương đương	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.	Sợi	4	100			
7	Chỉ polypropylen số 2/0, kim các loại hoặc tương đương	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.	Sợi	3	24			
8	Chỉ polypropylen số 3/0, kim các loại hoặc tương đương	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.	Sợi	3	12			
9	Chỉ polypropylen số 4/0, kim các loại hoặc tương đương	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.	Sợi	3	24			
10	Chỉ polypropylen số 5/0, kim các loại hoặc tương đương	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.	Sợi	3	24			
11	Chỉ Polyglaxan số 1 (vicryl) kim tròn, kim dài 40mm hoặc tương đương; kim tròn, kim dài 40mm hoặc tương đương.	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy.	Sợi	3	100			
12	Chỉ Polyglaxan 2/0 (vicryl) kim tròn, kim dài 28mm hoặc tương đương; kim tròn, kim dài 28mm hoặc tương đương.	Chỉ Polyglactin 910, đường kính 2/0, dài 70cm, phủ Polyglactin 370 + Calcium stearate, màu tím - 1 kim, 1/2C, dài 26mm, đầu tròn - đóng gói đơn	Sợi		24			
13	Chỉ Polyglaxan 2/0 (vicryl) kim tròn, kim dài 28mm hoặc tương đương; kim tròn, kim dài 28mm hoặc tương đương.	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium	Sợi	3	-			
14	Chỉ silk 4/0 kim tròn, tam giác, kim dài 22mm hoặc tương đương; kim tròn, tam giác, kim dài 22mm hoặc tương đương	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.	Sợi	3	50			
15	Chỉ Silk 5/0; Chỉ không tiêu số 5/0 sợi dài 75cm, kim tam giác 16mm, độ cong 3/8	Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.	Sợi	3	50			
Tổng cộng: 15 khoản								

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ CÁC LOẠI
(Kèm theo thư mời số 01.../TM-TT-YT, ngày 03 tháng 02 năm 2023).

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Nhóm mua sắm (TT14/2020/TT-BYT)2	Số lượng dự trữ năm 2023	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Airway các cỡ	Chất liệu nhựa y tế tốt dẻo, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Tiết trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Kích cỡ: số 0: 60mm; số 1: 70mm; số 2: 80mm; số 3: 90mm; số 4: 100mm. Thời hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Cái	6	50			
2	Băng keo chỉ thị nhiệt	Băng keo chỉ thị nhiệt kích cỡ 12mm*55m. Băng keo chỉ thị nhiệt là cuộn băng dán bằng giấy tổng hợp giãn nở theo nhiệt, mặt trên có các vạch mực in thay đổi màu sắc khi tiếp xúc với nhiệt độ và hơi nước trong một khoảng thời gian nhất định. - Sản phẩm đạt chứng nhận CE Marking- Hệ thống QMS của sản phẩm đạt EN ISO 13485:2016	Cuộn	6	10			
3	Chỉ thị nhiệt độ đa thông số	* Chỉ thị hóa học hơi nước 1243 được sử dụng để giám sát chất lượng tiết khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ* Bao gồm một bức giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. * Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chảy dọc theo bức giấy. *	túi		2			
4	Băng bột bó kích thước 10cm	Sản phẩm làm từ bông gạc cao cấp và thạch cao chất lượng cao, bao bì được tráng nhôm	Cuộn	6	100			
5	Băng bột bó sợi thủy tinh kích thước 7.6cm	Băng bó có kết cấu bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt, nhẹ mỏng thời gian khô nhanh	cuộn	6	1.000			
6	Băng keo lụa 1,25 cm x 5 m	Trong lượng của Keo (g/m2): 60 - 80 Trong lượng của Vải (g/m2): min. 60 Độ dính (gf/cm): min. 200 Tỉ lệ keo (%): min. 10 Lực xé (kgf/cm): min. 3 TCCL: ISO, CE	Cuộn	6	100			
7	Băng thun crepe 10cm x4,5m	Băng thun có độ đàn hồi cao; 3 móc 10cm x 4,5m	Cuộn	6	30			
8	Băng thun crepe 8cm x 4,5m	Băng keo cuộn co giãn; 8cm x 4.5 m	Cuộn	6	20			
9	Lưỡi dao mổ bầu	Chất liệu được làm từ thép carbon với công nghệ sản xuất hiện đại của Đức. • Lưỡi dao cực kỳ sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. • Lưỡi dao đã được tiết trùng. • Gồm các size: 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23.	Cái	6	300			
10	Lưỡi dao mổ nhọn	Chất liệu được làm từ thép carbon với công nghệ sản xuất hiện đại của Đức. • Lưỡi dao cực kỳ sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. • Lưỡi dao đã được tiết trùng. • Gồm các size: 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23.	Cái	6	500			
11	Sonde dạ dày các cỡ	Dây có chiều dài 120cm, có cân quang suốt chiều dài ống. Đảm bảo vô khuẩn. Đoạn cuối được thông mở và có dạng tròn với 4 lỗ hai bên. Không quá cứng hoặc quá mềm, có chia vạch các điểm đánh dấu ở 45cm, 55cm, 65cm và 75cm từ đầu dây đưa vào một cách chính xác. Ống trơn láng, không sắc sù hay đập nứt. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	6	50			
12	Dây garo tiêm	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:2	Cái	5	120			
13	Ống hút đảm	Các cỡ 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	3	200			
14	Ống hút điều kinh	- Sản xuất bằng nhựa PVC dài 22cm, đường kính vòng ngoài của ống 4mm. - Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia. - Các cỡ: 4, 5, 6mm. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái		100			
15	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm. Thể tích mỗi dịch: 2.1ml. Đường kính trong: 1mm, đường kính ngoài: 2.8mm, không có chất DEHP. Sản phẩm tiết trùng 100% Tiêu chuẩn ISO, EC. Thời hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; EC	Cái	4	30			
16	Dây oxy đôi 2 nhánh	Các cỡ XS, S, M, L. Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	5	100			
17	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	5	1.500			
18	Kim châm cứu các cỡ	Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. Thân kim nhỏ và tay cầm chắc chắn. Đường kính kim: 0.14mm, 0.16mm, 0.18mm, 0.20mm, 0.22mm, 0.25mm, 0.26mm, 0.28mm, 0.30mm, 0.32mm, 0.35mm, 0.38mm, 0.45mm, 0.70mm. Chiều dài kim: 13mm (số 1), 25mm (số 2), 30mm (số 3), 40mm (số 4), 50mm (số 5), 60mm (số 6), 70mm - 75mm	Cái	6	170.000			
19	Kim chọc máu	Kim số 28G, Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho tất cả các máy đo đường huyết, các xét nghiệm khác. Tiện dụng, đơn giản, dễ sử dụng và không gây đau, Bằng thép không gỉ và tiết trùng từng cây bằng E.O. Không độc hại, không có chất gây sốt. Quy cách: 100 cây/hộp. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016	Cái	6	2.000			

20	Kim gãy tẽ tùy sống các số	• Kim chọc dò tùy sống, thích hợp cho gãy tẽ tùy sống • Dễ chọc với đầu kim vát kim cương Quincke point.	Cái	6	800			
21	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	• Kim có tốc độ đóng chảy mượt cho phép chắt lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn • Tốc độ đóng chảy cao để phát hiện dịch não tủy chảy ra. • Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, 2 đường cân quang • Catheter kháng xoắn ống, chấn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Kim bén với ba mặt vát giúp chích nhẹ không đau • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian	Cái	2	1.000			
22	Mask thở oxy có túi dự trữ khí	Chất liệu nhựa y tế, không gây kích ứng. Mặt nạ thở oxy có dây đeo, dây có chiều dài 2 mét, có túi chứa khí oxy. Phù hợp, dễ thao tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị của các bệnh viện. Tiệt trùng, đóng gói riêng đến từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Bộ	4	6			
23	Ống nghiệm trắng có nắp (lấy nước tiểu)	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	cái	5	3.000			
24	Ống nghiệm Chemigly -HTM	Ống nghiệm nhựa kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu xám. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride Quy cách. Đạt tiêu chuẩn ISO	Ống		2.000			
25	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp xanh dương, mous thấp	- Ống nghiệm EDTA K2 kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.	Ống	5	30.000			
26	Ống nghiệm chân không EDTA K3 2ml	- Ống nghiệm chân không EDTA K3 được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không	Ống	5	20.000			
27	Ống nghiệm chứa chất kháng đông Heparin lithium, 2ml (nắp đen, nắp trắng)	- Ống nghiệm Heparin kích thước 13x75mm; sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.	Ống	5	10.000			
28	Ống nghiệm Citrate 3,8% HTM 2ml nắp cao su xanh lá, mous thấp	- Ống nghiệm chân không Sodium Citrate 3,8% được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không	Ống	5	4.000			
29	Ống nghiệm Serum hạt to, nhỏ HTM nắp đỏ.	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene	Ống	5	1.000			
30	Ống hút dịch phẫu thuật	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	5	305			
31	Ống nội khí quản không bóng	• Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản. • Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. • Đóng gói riêng lẻ từng túi Size: 2,2,5,3,3,5,4,4,5,5,5,6,6,5,7,7,5,8	cái	6	12			
32	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cân quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị	Cái	4	379			
33	Đẻ lưỡi gỗ tiệt trùng	Sản phẩm dùng để khám miệng, lưỡi, họng, đã tiệt trùng và chỉ dùng một lần, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân trước sự lây nhiễm của các bệnh nguy hiểm qua đường miệng. Kích thước: 150 x 20 x 2mm.	Cái	5	45.300			
34	Que gòn tiệt trùng từng cái	Thân que bằng nhựa, 1 đầu gòn, tiệt trùng từng cây, dài 16cm, trong vĩ giấy.	Cái	6	500			
35	Sonde Foley 2 nhánh các số	2 nhánh. Dây có chiều dài >40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 8Fr, 10Fr, 24Fr, 26Fr; Có bóng 3ml, 3-5ml; Có bóng 30ml. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Cái	4	350			
36	Thông nelaton các số	• Ống thông tiêu • Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ. • Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương, với hai mắt bên để thoát nước hiệu quả • Đầu kết nối được mã hóa theo màu để dễ dàng xác định kích thước • Chiều dài: 40cm • Tiệt trùng bằng khí EO - TCCL: ISO, CE • Kích thước: 30011: 8FG 30012: 10FG 30013: 12FG	Cái	4	108			

37	Túi nước tiểu.	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	5	200			
38	Túi chứa oxy bóp bóng	Thể tích: 30/42/50 L Được làm bằng nylon không chứa chất độc phù cao su một mặt, không có tác động hóa học bất lợi. Được sử dụng chủ yếu trong các trường hợp cấp cứu tại bệnh viện hoặc chăm sóc sức khỏe tại nhà. Dễ làm sạch, an toàn, độ bền cao và dễ mang theo.	cái	6	10			
39	Mask khí dung (mask + dây + bầu)	Được làm bằng nhựa PVC, điều chỉnh mũi được, dây đeo đàn hồi, ống nối 2m, đóng trong gói PE, Size available: S, M, L, XL	Cái	4	100			
40	Mask thanh quản các số	Mask thanh quản là một phương tiện đảm bảo thông suốt đường thở trên, cấu tạo gồm một ống thông to và đầu dưới có một bóng chèn hình ê-líp. Sau khi đặt và bơm hơi, bóng này kín với áp lực thấp quanh lối vào thanh quản. • Chất liệu: Mask bằng PVC mềm giảm tổn thương và giảm đau họng. • Size có sẵn: Cỡ 2,3,4,5.	Cái	6	10			
41	Túi đo lượng máu mất sau khi sinh	Dung tích 2000ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. - Kích thước: 1.050mm x 700mm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng- Tiệt trùng bằng khí OE- Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	5	50			
42	Ống thông hậu môn (Rectal)	Các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	5	60			
43	Nón phẫu thuật dạng xếp	Nón dạng xếp. Vải không dệt PP spunbond SS. Size L. Tiệt trùng.	Cái	5	1.000			
44	Vòng đeo tay có bảng tên dành cho bệnh nhân	Chất liệu : Nhựa trung tính, không gây kích ứng da; các màu xanh, đỏ, vàng, hồng. - Chiều dài: 235mm, rộng: 22mm- Phần bảng tên: dài 60mm, rộng 20mm- Phần quai đeo: Nút bấm và khóa cổ định; có 12 lỗ phù hợp với kích cỡ tay của bệnh nhân.- Có 2 loại: Người lớn, trẻ em. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	5	400			
45	Tấm lót nylon kích thước 40*60 có giấy hút ẩm bên trong	Kích thước: 40cm x 60cm. Gồm: - Lớp trên là vùng thấm 1 chiều với chất liệu vải không dệt, có khả năng thấm hút tốt và ngăn không cho dịch thấm ngược ra ngoài. - Lớp giữa là hỗn hợp bông, bột giấy, bột thấm, ép với nhau tạo hình cào kích thước 15mm, êm dịu, thông thoáng. - Lớp dưới cùng là màng PE xanh nguyên chất không thấm nước. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	5	500			
46	Dung dịch sát khuẩn Ortho-	Dung dịch sát khuẩn mức độ cao, thành phần 0,1% NPHHACBEN (0,33%, pH 7.2 - 7.8 - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày.	Can	5	30			
47	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính Enzyme	Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole.	Chai	5	30			
48	Đầu col xanh (200µl-1000µl)	Chứng nhận IVD: tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chuẩn đoán trong phòng thí nghiệm & thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE. • Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-1000ul	Cái	6	3.000			
49	Đầu col vàng có khóa/không khóa	Chứng nhận IVD: tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chuẩn đoán trong phòng thí nghiệm & thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE. • Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-200ul	Cái	6	5.000			
50	Điện cực dán dùng trong điện tim	Bề mặt kết dính rất chắc chắn, độ bám dính thích hợp cho da, ngay cả khi da dính tạp chất. • Tính dẫn truyền cao. • Với sự giúp đỡ của các bề mặt tiếp xúc rộng giữa gel và da, đường truyền dẫn điện không bị ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài.	Cái	6	500			
51	Lamen	Tất cả các lammen được làm bằng chất liệu đặc biệt của Hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót, mất cân chỉnh xác. Kích thước: 22mm x 22mm	Cái	6	1.000			
52	Lam kính tròn	Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") • Vật liệu cấu thành: kính. Loại tròn.	Cái	6	1.440			
53	Giấy in siêu âm 110mmx20m	Giấy siêu âm trắng đen.Tương thích với nhiều loại máy siêu âm. Chung loại USP 110S, kích thước giấy 110mmx20m. Giấy chất liệu tốt, in kết quả rõ đẹp. Tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, KS Q ISO 9001:2015	Cuộn	6	29			
54	Giấy in nhiệt 57mm	Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học 57mm x 20m	Cuộn	6	40			
55	Giấy in nhiệt 50 mm	Giấy in cho máy monitor, sinh hóa, huyết học 50mm x 20m	Cuộn	6	100			
56	Giấy in điện tim 3 cần 80*20	Giấy điện tim Innomed G-80,BTS-310, New Tech 3105B, Edan SE-3, Suzuken Cardico 306 (sọc đỏ) 80mm x 20m	Cuộn	6	10			
57	Giấy điện tim 6 cần 110x140x200	Fukuda Denshi FX-7202, Edan SE-601 110mm x 140mm x 200sh	Tập	6	60			

58	Giemsa Solution 500ml	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	Chai	5	1			
59	Gel siêu âm	Dạng gel bôi ngoài da, dùng hỗ trợ trong quá trình siêu âm	Can	5	50			
60	Huyết áp kế có kiểm định	Máy đo huyết áp kế	Bộ	6	30			
61	Micropipet	• Pipette chất lượng, giá cả phải chăng. • Lý tưởng dùng cho các kỹ thuật viên xét nghiệm, các phòng lab, bệnh viện... • Thiết kế đơn giản và mạnh mẽ. • Đã chính xác theo DIN EN ISO 8655. • Bể đựng lượng hầu như	Cái	6	6			
62	Gạc tiệt trùng 12 lớp (5 x 6,5cm)	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, Quy cách: 5cm x 6,5cm x 12 lớp, Loại: tiệt trùng (bằng khí EO),	Gói	5	1.000			
63	Đinh Kirschner các cỡ	Đinh Kirschner nhọn 2 đầu 0.4 các cỡ	Cái	6	10			
64	Nẹp bàn nhỏ 6 lỗ dùng vít 3.5mm	Thân có 2/ 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 12/ 13/ 14 lỗ, dài 25/ 37/ 49/ 61/ 73/ 85/ 97/ 109/ 121/ 145/ 157/ 169mm	Cái	4	10			
65	Nẹp bàn nhỏ 7 lỗ dùng vít 3.5mm	Thân có 2/ 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 12/ 13/ 14 lỗ, dài 25/ 37/ 49/ 61/ 73/ 85/ 97/ 109/ 121/ 145/ 157/ 169mm	Cái	4	120			
66	Nẹp căng chân các lỗ	Thân có 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 13/ 14/ 15/ 16/ 18 lỗ, dài 71/ 87/ 103/ 119/ 135/ 151/ 167/ 183/ 199/ 215/ 231/ 247/ 263/ 295mm	Cái	4	10			
67	Nẹp chữ S xương đòn, trái-phải dùng vít 3.5mm	Thân có 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ	Cái	4	10			
68	Nẹp chữ T đầu dưới xương quay 4 lỗ	Thân có 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8 lỗ, dài 39/ 56/ 67/ 78/ 89/ 100mm	Cái	6	10			
69	Nẹp Xương cùng đòn 3,5 các cỡ		Cái		10			
70	Vít cứng đường kính 3.5 các cỡ	Vít vô (xương cứng) tự ta ro 3.5 mm: - Đường kính vít (đường kính ren) 3.5 mm ± 0.05 mm - Đường kính lõi vít 2.5 mm ± 0.05 mm - Đường kính mũ vít 5.9 mm ± 0.05 mm, lỗ hình sao 3.35 ± 0.05 mm - Bước ren vít 1.25 mm ± 0.05 mm	Cái	5	50			
71	Vít cứng đường kính 4.5 các cỡ	Vít vô (xương cứng) tự ta ro 4.5 mm: - Đường kính vít (đường kính ren) 4.5 mm ± 0.05 mm - Đường kính lõi vít 3.2 mm ± 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) Ø 7.95 ± 0.05 mm, lỗ hình sao 4.5 ± 0.05 mm	Cái	5	50			
72	Que thử thai	Gồm: Test thử: Kháng thể đơn dòng kháng hCG-α, Kháng thể đơn dòng kháng hCG-β, Kháng thể để kháng IgG chuột, H ₂ AuCl ₄ , Na ₂ HPO ₄ , NaH ₂ PO ₄ , Sucrose, NaCl, Triton-X, PVA-10, PVP-10, Na ₂ CO ₃ và Cốc làm từ nhựa nguyên sinh.	Que	5	320			
73	Săng giấy	Nguyên liệu: vải không dệt Olefin hoặc Polypropylene, không thấm nước, độ dày của vải: 40gram/m ² , Quy cách: 40cm x 70cm; Loại: Tiệt trùng (khí EO), đóng gói: 1 tấm/gói	Cái	5	320			
74	Dây nối oxy	• Công dụng: dùng để nối thêm dây thở oxy • Chất liệu: nhựa y tế. • Chiều dài: 2 mét. • Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi. • Quy cách: 100 sợi/thùng.	Cái	6	10	10		
75	Bao camera nội soi 150 mm dài 2,5m	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm.- Kích thước: 150 mm x 235cm.- Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng.- Tiệt trùng bằng khí EO.	cái	5	100			
76	Bao dây đốt dùng trong mổ nội soi 9cm dài 220 cm	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm.- Kích thước: 7.5cm x 235cm.- Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng.- Tiệt trùng bằng khí EO.- Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	cái	5	300			
77	Túi đựng bệnh phẩm ruột thừa	Kích thước: 7cm x 14cm; 9cm x 17cm; 12cm x 17cm. Sản phẩm được làm bằng chất liệu màng nhựa PE màu trắng nguyên chất. Tiệt trùng hoặc không tiệt trùng.	cái	5	50			
78	Bộ thuốc nhuộm gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 100ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	5	4			
Tổng cộng: 78 khoản								

DANH MỤC CÁC LOẠI TEST

(Kèm theo thư mời xin báo giá số 01/TM - TTYT, ngày 03 Tháng 02 Năm 2023).

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	Hãng SX- Nước sản xuất	DVT	Nhóm mua sắm (TT14/2020/ TT-BYT)2	Số lượng dự trù năm 2023	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Bộ test sử dụng cho máy phân tích HbA1c	Để xác định định lượng in vitro của hemoglobin glycosylated (HbA1c) trong máu toàn phần thu được từ chích ngón tay hoặc từ các mẫu máu tĩnh mạch được thu thập vào ống EDTA		Test	3	400			
2	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV;	Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần		Test	6	300			
3	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng Dengue	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần		Test	4	50			
4	Test nhanh phát hiện đồng thời kháng nguyên NS1 và kháng thể IgG, IgM kháng virus sốt xuất huyết	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần		Test	2	2.000			
5	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng nguyên HBsAg	Xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương		Test	6	300			
6	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HCV	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu kháng HCV, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần		Test	6	100			
7	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng nguyên Rotavirus nhóm A	Xét nghiệm định tính kháng nguyên Rotavirus. Loại mẫu sử dụng: Phân		Test	4	50			
8	Test nhanh phát hiện H.Pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy		Test	5	260			
9	Test thử định tính phát hiện hợp chất Heroin – Morphine - Opiates (Ma túy) trong nước tiểu	Phát hiện Morphin, Loại mẫu sử dụng: Nước tiểu		Test	4	200			
10	Que thử đường huyết VivaChek	Công nghệ cảm biến sinh học, Que test 8 điện cực bằng bạc, Công nghệ "No coding", Mỗi que thử chứa các hóa chất phản ứng: glucose oxidase <25 IU, mediator <300 µg.		Test	6	2.000			
11	Test thử giang mai	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG, IgM, IgA kháng Treponema pallidum, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần		Test	4	50			
12	Test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2	Độ nhạy: 94,67%, Độ đặc hiệu: 97,71%, Giới hạn phát hiện: 5,90×10 ² TCID50/mL		Test	3	1.000			
13	Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu Strip-10 (URS-10) Bạch cầu / Nitrit / Urobilinogen / Protein / pH / Máu / SG / Ketone / Bilirubin / Glucose		Test	3	1.000			
Tổng cộng :13 khoản									

DANH MỤC PHIM X- QUANG, HÓA CHẤT MÁY SWEBLAP ALPHA + NHÓM MÁU CÁC LOẠI

(Kèm theo thư mời xin báo giá số 01/TM - TTYT, ngày 03 Tháng 02 Năm 2023).

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Nhóm mua sắm (TT14/2020/ TT-BYT)2	Số lượng dự trù năm 2023	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế DI-HL 20x25cm	kích cỡ: 20*25 cm. Phim dùng cho chụp X- quang y tế, tương thích với máy in phim khô Drypix series: Drypix plus(4000) Drypix Smart (6000) Drypix 7000, Drypix Edge (8000)	Tờ	3	21.000			
2	Phim XQuang khô Laser (KT : 20 x 25 cm)	Phim KTS Konica. Kích thước phim 8x10inch, 20x25cm Sử dụng công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp , tương thích máy in Konika hoặc tương đương	Phim	3	1.000			
3	Dung dịch pha loãng	là một chất pha loãng huyết học được sử dụng để đếm và định cỡ tế bào trong máy phân tích huyết học tự động	Thùng	3	15			
4	Dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu	Chức năng là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu	Thùng	3	15			
5	Dung dịch rửa máy; Dung dịch rửa cuối ngày, dung tích 0.5 lít/ bình Sử dụng trên máy huyết học tự động	Dùng rửa máy 1 x 500ml	Hộp	3	2			
6	Giấy in monitor sản khoa 130 mm * 120mm*300 máy Bistos	làm từ bột giấy không chứa clo và carbon, được xử lý phủ lớp nhay nhiệt trên cùng, dính mực tốt, in rõ nét. Kích thước: 130mm x 120mm x 300 tờ	Cuộn	6	5			
7	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Hộp	3	6			
8	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Hộp	3	6			
9	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Hộp	3	6			
10	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu D	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Hộp	3	3			
Tổng cộng: 10 khoản								

DANH MỤC SỬ DỤNG CHO KHỬ KHUẨN, NỘI SOI, CÔNG TÁC XÉT NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ CÁC LOẠI KHÁC

(Kèm theo thư mời xin báo giá số 01/TM - TTYT, ngày 03 Tháng 02 Năm 2023).

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Nhóm mua sắm (TT14/20 20/TT- BYT)2	Số lượng dự trừ năm 2023	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Hóa chất khử nhiễm Presept 2,5g	2,5g	Viên	Không phân nhóm	150			
2	Cloramin B	Hàm lượng Clo hoạt tính : 25-27%, Hàm lượng NaOH dư tối đa: 0.8%, Hàm lượng Pb tối đa 0.02%, Hàm lượng As tối đa 0.001 mg/l,	kg	Không phân nhóm	45			
3	Tinh dầu xả	diệt khuẩn bề mặt	lít	Không phân nhóm	60			
4	Gạc phẫu thuật nội soi ổ bụng không dệt, KT 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp	Gạc phẫu thuật nội soi ổ bụng không dệt, dùng trong mổ nội soi ruột thừa	gói		150			
5	Boi hút nhớt	Làm bằng PVC	cái		10			
6	Max bóp bóng		cái		10			
7	Dung dịch acid 3%		chai		2			
8	Dung dịch lugol 3%		chai		3			
9	Cuvet máy sinh hóa Kenza 240		bộ		1			
10	Bóng đèn máy sinh hóa Kenza 240		Cái		5			
11	Cân điện tử(trọng lượng 2000gram)		Chiếc		1			
12	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng nguyên (Ag)- H.Pylori		Test		200			
13	Kit kiểm tra nhanh Formon(FT04)		Hộp		2			
14	Kit kiểm tra nhanh hàn the(BK04)		Hộp		2			
15	Kiểm tra nhanh Salicylic(ST04)		Hộp		2			

16	Kit kiểm tra nhanh Hypochloride(HT04)		Hộp		2			
17	Kit kiểm tra nhanh Nitrat(NaT04)		Hộp		2			
18	Kit kiểm tra phẩm màu kiềm trong thực phẩm(CT04)		Hộp		2			
19	Kit kiểm tra độ ôi khét dầu mỡ (OT04)		Hộp		2			
20	Kit kiểm tra Methanol		Hộp		2			
21	Bóng đèn hồng ngoại		Bóng		20			
22	Miếng dán Max điện		Miếng		30			
23	Khí CO2		lít	Không áp dụng	3.000			
24	Sáp parafin		Kg	Không áp dụng	100			
25	Hơi OXYGENE 6,5m3		Bình 6.5m3	Không áp dụng	200			
Tổng cộng: 25 khoản								

DANH MỤC SỬ DỤNG CHO NHA KHOA

(Kèm theo thư mời xin báo giá số 01/TM - TTYT, ngày 03 Tháng 02 năm 2023).

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Nhóm mua sắm (TT14/2020/TT-BYT)2	Số lượng dự trù năm 2023	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Chỉ co nướu Gingi pak 2.0 hoặc tương đương		Lọ 2.44m	2	2			
2	Etching prime-dent (acid)	5ml	Tuýp 5ml	6	5			
3	Keo Bonding resin trám răng	5g	Lọ	3	3			
4	Chổi quét keo bonding	Đánh bóng cao vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác.	Hộp 100 cây	3	2			
5	Thuốc trám răng Composite 3M espe A2 lỏng	Trọng lượng: 2g	Tuýp	3	5			
6	Thuốc trám răng Composite 3M espe A2 đặc	Vật liệu trám răng Composite	Tuýp	3	5			
7	Fuji 9- Thuốc trám răng Glass ionomer cement 9 extra	A3,A3,5	Hộp	3	3			
8	Vaseline cách ly		Lọ 20g	3	3			
9	Thuốc diệt tủy Arsenic Blue		Hộp 5g	3	3			
10	Eugenol Elite	30ml	Lọ 30ml	6	3			
11	Kẽm oxit dạng bột	110g	Lọ 100g	6	3			
12	Mũi Gate 1,2,3 vạch		Hộp 6 cái	6	Mỗi số 02 hộp			
13	Mũi lentulo nội nha đủ số 25- 40 Dài 21mm	21mm	Vi 4 cây	3	3			
14	Mũi lentulo nội nha đủ số 25- 40 Dài 25mm	25mm	Vi 4 cây	3	3			
15	Canxi hidroxit dạng bột	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Lọ/10g	Lọ	6	2			
16	Trâm tay nội nha H file số 8,10,15,20,25,30 chiều dài 21mm	21mm	Hộp 6 cái	3	Mỗi số 2 hộp			
17	Trâm tay nội nha H file số 8,10,15,20,25,30 chiều dài 25mm	25mm	Hộp 6 cái	3	Mỗi số 2 hộp			

18	Kim tiêm thuốc tê nhổ răng 2 đầu	Kim sắc bén	Hộp 100 kim	3	3			
19	Bẫy ngứa nhổ răng		Cái	3	3			
20	Bẫy gấp nhổ răng		Cái	3	3			
21	Sò đánh bóng	Là bột đánh bóng sau cạo vôi, mùi vị tuyệt vời với nhiều hương, mịn, dùng loại bỏ mảng bám...	Gói 10 con	6	10			
22	Ống hút nước bột	chất liệu nhựa	Gói 100 ống	5	2			
23	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani BR-S45		Vì 5 mũi	2	2			
24	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani BR-S42		Vì 5 mũi	2	2			
25	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani TC- 21F		Vì 5 mũi	2	2			
26	Mũi khoan siêu âm (trám răng) Loại mũi Mani TC-11F		Vì 5 mũi	2	2			
27	Bóng đèn chiếu tia cực tím tử cực tím hấp dụng cụ		Cái	2	2			
28	Lý nhựa xúc miệng bệnh nhân dùng 1 lần		Cái	500	500			
29	Đai trám răng		Vì	5	5			
30	Gương nha khoa	Được làm từ chất liệu không gỉ. Mặt gương dùng trong nha khoa 22 mm	Vì	6	5			
31	Thăm trám 2 đầu		Cái	5	5			
32	Kẹp gấp		Cái	5	5			
33	Cây nạo túi nha chu		Cái	2	2			
Tổng cộng: 33 Khoản								